

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thị xã T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số A1 quyền số A2 ngày 09/01/2007. Sau khi kết hôn thì cả hai sống tại thành phố B đến nay, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm, trong công việc làm ăn, nuôi dạy con cái, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt, cả hai không tự hòa giải được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do chung sống nhưng

không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà M và ông K có với nhau 01 con chung tên Lê Nguyễn Duy K1, sinh năm 2001. Khi ly hôn bà M đề nghị được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết tại tòa án ông Lê Văn K thống nhất với lời trình bày của bà M về thời gian kết hôn, quá trình chung sống.

Ông K xác nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng, xung đột nên cả hai không quan tâm chăm sóc nhau, nên tình cảm dần phai nhạt. Trước đây vợ chồng đã từng nộp đơn ly hôn, nhưng qua công tác hòa giải thì ông bà rút đơn quay về chung sống lại. Nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, ông muốn bà M suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ và ông đề nghị Tòa án cho một thời gian để ông về tự hòa giải với nhau, nếu bà M không đồng ý thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà M đã trình bày, bà M có nguyện vọng nuôi con thì ông đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong hạn luật định theo Điều 28, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Các đương sự cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn K tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được những năm đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn xung đột. Mâu thuẫn vợ chồng là có thật được các đương sự thừa nhận và qua kết quả xác minh tại nơi vợ chồng sinh sống.

Ông K xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, lỗi do cả hai bên nhưng ông không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ, xét ý kiến của bị đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông K mong muốn vợ chồng quay về với nhau nhưng không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng. Khi Tòa án mời để hòa giải thì ông không thực sự hợp tác. Mặt khác, tại Tòa bà M vẫn giữ yêu cầu được ly hôn do bà xác định hiện nay cả hai không thể hòa hợp được do không còn tình

cảm với nhau. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông K là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bà M và ông K có 01 con chung như đã trình bày, khi ly hôn bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con và điều kiện thực tế. Hơn nữa ý kiến ông K cũng đồng ý việc giao con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần giao cháu Lê Nguyễn Duy K1 cho bà M nuôi, do không yêu cầu về cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Lê Văn K.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Duy K1, sinh năm 2001 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008117 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà M đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND phường X, TX T, Tây Ninh;
- (Số A1, Quyền A2);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

